

NOTE: THIS FORM IS FOR INFORMATIONAL PURPOSES ONLY. DO NOT COMPLETE THIS FORM FOR FILING. USE THE ENGLISH VERSION OF THE AOC-CR-116 INSTEAD. LƯU Ý: MẪU NÀY CHỈ SỬ DỤNG VỚI MỤC ĐÍCH THAM KHẢO THÔNG TIN. KHÔNG ĐIỀN VÀ NỘP MẪU NÀY. SỬ DỤNG MẪU AOC-CR-116 BẰNG TIẾNG ANH ĐỂ THAY THẾ.

File No. Số Hồ Sơ		Law Enforcement Case No. Số Hồ Sơ của Cơ Quan Thi Hành Luật Pháp		LID No. Số LID	SID No. Số SID	FBI No. Số FBI					
MAGISTRATE'S ORDER LỆNH QUAN TÒA		STATE OF NORTH CAROLINA TIỂU BANG NORTH CAROLINA									
Offense Tội trạng		_____ County Quận/Hạt _____		In The General Court Of Justice District Court Division Tại Hệ Thống Tòa Án Công Lý Phần Bộ Tòa Án Khu Vực							
THE STATE OF NORTH CAROLINA VS. TIỂU BANG NORTH CAROLINA CHỐNG LẠI		I, the undersigned, find that the defendant named above has been arrested without a warrant and the defendant's detention is justified because there is probable cause to believe that on or about the date of offense shown and in the county named above the defendant named above unlawfully, willfully and feloniously did Tôi, người ký tên dưới đây, xác nhận rằng bị cáo có tên trên đây đã bị bắt giữ không theo trát tòa và việc giam giữ bị cáo là hợp lý vì có đủ cơ sở chính đáng để tin rằng vào hoặc khoảng ngày vi phạm ghi kể bên, và trong quận/hạt nêu trên, bị cáo đã cố ý có hành vi bất hợp pháp với ác ý, cụ thể là									
Name And Address Of Defendant Tên và Địa Chỉ Bị Cáo		<p>This act was in violation of the law referred to in this Magistrate's Order. This Magistrate's Order is issued upon information furnished under oath by the arresting officer(s) shown. A copy of this Order has been delivered to the defendant. Hành vi này vi phạm điều luật được đề cập trong Lệnh Quan Tòa này. Lệnh Quan Tòa này được ban hành căn cứ vào thông tin do (các) cảnh sát viên có tên trong lệnh này, và là người bắt bị cáo, khai ra sau khi tuyên thệ nói sự thật. Một bản sao của Lệnh này đã được giao cho bị cáo.</p>									
Race Chủng tộc	Sex Giới tính							Date Of Birth (mm/dd/yyyy) Ngày sinh (tháng/ngày/năm)	Age Tuổi		
Social Security No. Số an sinh xã hội								Drivers License No. & State Số bằng lái và tiểu bang cấp bằng lái			
Name Of Defendant's Employer Tên công ty tuyển dụng bị cáo											
Offense Code(s) (Các) Mã số tội trạng								Offense In Violation Of G.S Tội này vi phạm G.S.			
Date Of Offense (mm/dd/yyyy) Ngày phạm tội (tháng/ngày/năm)											
Date (mm/dd/yyyy) of Arrest & Check Digit No. (As Shown On Fingerprint Card) Ngày (tháng/ngày/năm) bị bắt giữ và Số hồ sơ lần tay (như được ghi trên phiếu lần dấu vân tay)											
Arresting Officer (Name, Address Or Department) Cảnh sát viên bắt giữ bị cáo (tên, địa chỉ hay bộ phận)											
Names & Addresses Of Witnesses (Including Counties & Telephone Nos.) Tên và địa chỉ của các nhân chứng (bao gồm quận/hạt và số điện thoại)											
<input type="checkbox"/> Misdemeanor Offense Which Requires Fingerprinting Per Fingerprint Plan Tội tiêu hình này thuộc diện phải lấy dấu vân tay theo quy định lần tay								Date Issued (mm/dd/yyyy) Ngày ban hành (tháng/ngày/năm)	<input type="checkbox"/> Magistrate Quan Tòa <input type="checkbox"/> Deputy CSC Phó LSTTT <input type="checkbox"/> Assistant CSC Phụ Tá LSTTT <input type="checkbox"/> Clerk Of Superior Court Lục Sự Tòa Thượng Thẩm		Location Of Court Địa điểm Tòa Án
					Court Time Giờ phiên tòa <input type="checkbox"/> AM <input type="checkbox"/> PM						

(Over)
(Xem mặt sau)

District Attorney Công Tố Viên Quận/Hạt	<input type="checkbox"/> Waived Từ bỏ quyền <input type="checkbox"/> Not Indigent Không phải người nghèo <input type="checkbox"/> Denied Bị từ chối	Attorney for Defendant Luật sư của bị cáo	<input type="checkbox"/> Appointed Được chỉ định <input type="checkbox"/> Retained Được thuê	PRIOR CONVICTIONS: CÁC TIỀN ÁN: No./Level: <u> 0 </u> I (0) <u> </u> II (1-4) <u> </u> III (5+) Số/Bậc: <u> 0 </u> I (0) <u> </u> II (1-4) <u> </u> III (5+)
PLEA: LỜI TRẢ LỜI CÁO TRẠNG: <input type="checkbox"/> guilty <input type="checkbox"/> no contest _____ <input type="checkbox"/> nhận tội <input type="checkbox"/> không chối tội _____ <input type="checkbox"/> guilty <input type="checkbox"/> no contest _____ <input type="checkbox"/> nhận tội <input type="checkbox"/> không chối tội _____ <input type="checkbox"/> guilty <input type="checkbox"/> no contest _____ <input type="checkbox"/> nhận tội <input type="checkbox"/> không chối tội _____ <input type="checkbox"/> not guilty _____ <input type="checkbox"/> không nhận tội _____		VERDICT: PHÁN QUYẾT: <input type="checkbox"/> guilty _____ <input type="checkbox"/> có tội _____ <input type="checkbox"/> guilty _____ <input type="checkbox"/> có tội _____ <input type="checkbox"/> guilty _____ <input type="checkbox"/> có tội _____ <input type="checkbox"/> not guilty _____ <input type="checkbox"/> không có tội _____		M.CL. <input type="checkbox"/> A1 <input type="checkbox"/> 1 <input type="checkbox"/> 2 <input type="checkbox"/> 3 Bậc TH <input type="checkbox"/> A1 <input type="checkbox"/> 1 <input type="checkbox"/> 2 <input type="checkbox"/> 3 M.CL. <input type="checkbox"/> A1 <input type="checkbox"/> 1 <input type="checkbox"/> 2 <input type="checkbox"/> 3 Bậc TH <input type="checkbox"/> A1 <input type="checkbox"/> 1 <input type="checkbox"/> 2 <input type="checkbox"/> 3 M.CL. <input type="checkbox"/> A1 <input type="checkbox"/> 1 <input type="checkbox"/> 2 <input type="checkbox"/> 3 Bậc TH <input type="checkbox"/> A1 <input type="checkbox"/> 1 <input type="checkbox"/> 2 <input type="checkbox"/> 3
JUDGMENT: The defendant appeared in open court and freely, voluntarily and understandingly entered the above plea; on the above verdict it is ORDERED that the defendant: <input type="checkbox"/> pay costs and a fine of \$ _____. BẢN ÁN: Bị cáo đã ra hầu phiên tòa công khai và nhận/không nhận tội một cách tự do, tự nguyện và có hiểu biết; chiếu theo phán quyết ghi trên, Tòa Án RA LỆNH rằng bị cáo: <input type="checkbox"/> phải trả các án phí và tiền phạt là \$ _____. <input type="checkbox"/> be imprisoned for a term of _____ days in the custody of the <input type="checkbox"/> sheriff <input type="checkbox"/> MCP. <input type="checkbox"/> DAC.* bị giam tù trong _____ ngày dưới sự quản lý của <input type="checkbox"/> cảnh sát trưởng quận/hạt <input type="checkbox"/> MCP. <input type="checkbox"/> DAC.* Pretrial credit _____ days served. Trừ _____ ngày đã bị giam trước ngày xét xử. <input type="checkbox"/> Work release <input type="checkbox"/> is recommended <input type="checkbox"/> is not recommended [<input type="checkbox"/> is ordered. (use form AOC-CR-602)] <input type="checkbox"/> Tòa Án <input type="checkbox"/> đề nghị <input type="checkbox"/> không đề nghị [<input type="checkbox"/> ra lệnh bắt buộc (dùng mẫu AOC-CR-602)] bị cáo tham gia chương trình vừa ở tù vừa đi làm. The Court finds that a <input type="checkbox"/> longer <input type="checkbox"/> shorter period of probation, than that which is specified in G.S. 15A-1343.2(d), is necessary. Tòa Án xác nhận cần có thời gian quản chế <input type="checkbox"/> lâu hơn <input type="checkbox"/> ngắn hơn thời gian quy định trong điều G.S. 15A-1343.2(d). Execution of the sentence is suspended and the defendant is placed on unsupervised probation* for _____ months, subject to the following conditions: 1. commit no criminal offense in any jurisdiction. 2. possess no firearm, explosive or other deadly weapon listed in G.S. 14-269. 3. remain gainfully and suitably employed or faithfully pursue a course of study or of vocational training, that will equip the defendant for suitable employment, and abide by all rules of the institution. 4. satisfy child support and family obligations, as required by the Court. 5. pay to the Clerk the costs of court and any additional sums shown below. Tòa án treo bản án và ra lệnh quản chế không giám sát* trong _____ tháng, với điều kiện bị cáo: 1. không phạm tội hình sự ở bất kỳ khu vực nào. 2. không có súng, chất nổ hoặc bất kỳ vũ khí gây chết người nào khác được ghi trong điều G.S. 14-269. 3. tiếp tục duy trì việc làm phù hợp và có lương, hoặc kiên trì theo đuổi một chương trình học tập hay huấn nghệ trang bị đầy đủ kiến thức để bị cáo có thể kiếm được việc làm phù hợp, và luôn tuân thủ tất cả các nội quy của nơi học tập. 4. đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ gia đình và cấp dưỡng con, theo lệnh của Tòa Án. 5. thanh toán cho Lục Sự các án phí và bất kỳ khoản tiền thêm nào được ghi dưới đây.				
Fine Tiền phạt \$ _____	Restitution** Tiền bồi thường** \$ _____	Attorney's Fee Chi phí luật sư \$ _____	Community Service Fee Chi phí phục vụ cộng đồng \$ _____	Other Chi phí khác \$ _____
**Name(s), address(es), amount(s) for aggrieved party(ies) to receive restitution: NOTE TO CLERK: Record SSN or TAX ID No. of aggrieved party(ies) on AOC-CR-382. *Certification Of Identity (Victims' Restitution)/Certification of Identity (Witness Attendance). **Ghi tên, địa chỉ và số tiền của (các) bên bị thiệt hại cần được bồi thường: LƯU Ý DÀNH CHO LỤC SỰ: ghi số an sinh xã hội hoặc số ID đóng thuế của (các) bên bị thiệt hại vào AOC-CR-382, "Chứng Nhận Nhân Thân (Nạn Nhân Được Bồi Thường)/Chứng Nhận Nhân Thân (Nhân Chứng Có Mặt)."				

*NOTE: If DWI, use AOC-CR-342 (active) or AOC-CR-310 (probation). If active sentence to DAC, use AOC-CR-602. If supervised probation, use AOC-CR-604.

*LƯU Ý: Đối với các vụ lái xe trong tình trạng không tỉnh táo, hãy dùng mẫu AOC-CR-342 (án phạt tù) hoặc AOC-CR-310 (án phạt quản chế). Nếu là án phạt tù dưới sự quản lý của DAC, dùng mẫu AOC-CR-602. Nếu là án phạt quản chế có giám sát, dùng mẫu AOC-CR-604.
 (Over)

(Xem mặt sau)

	<input type="checkbox"/> 6. complete _____ hours of community service during the first _____ days of probation, as directed by the judicial service coordinator, and pay the fee prescribed by G.S. 143B-708 within _____ days. 6. hoàn tất _____ giờ phục vụ cộng đồng trong vòng _____ ngày đầu tiên của thời gian quản chế theo chỉ dẫn của nhân viên điều phối dịch vụ tòa án, và trả phí được quy định trong điều G.S. 143B-708 trong vòng _____ ngày.
	<input type="checkbox"/> 7. not be found in or on the premises of the complainant or _____. 7. không có mặt trong hoặc xung quanh chỗ của người tố cáo hoặc _____.
	<input type="checkbox"/> 8. not assault, communicate with or be in the presence of the complainant or _____. 8. không hành hung, tiếp xúc với hoặc có mặt cùng chỗ với người tố cáo hoặc _____.
	<input type="checkbox"/> 9. provide a DNA sample pursuant to G.S. 15A-266.4 (AOC-CR-319) 9. cung cấp mẫu DNA chiếu theo điều G.S. 15A-266.4. (AOC-CR-319)
	<input type="checkbox"/> 10. Other: 10. Điều kiện khác: _____ _____ _____ _____
	It is ORDERED that this: <input type="checkbox"/> Judgment is continued upon payment of costs. Tòa Án RA LỆNH : <input type="checkbox"/> Tạm dừng bản án này khi các án phí được thanh toán đầy đủ.
	<input type="checkbox"/> case be consolidated for judgment with _____. Nhập vụ án này cùng với _____ để tuyên án chung.
	<input type="checkbox"/> sentence is to run at the expiration of the sentence in _____. Bản án này sẽ bắt đầu có hiệu lực khi bị cáo hoàn tất bản án đang thụ hành vào _____.

**APPEAL ENTRIES
CÁC GHI CHÚ VỀ VIỆC KHÁNG CÁO**

The defendant, in open court, gives notice of appeal to the Bị cáo thông báo tại phiên tòa công khai là sẽ kháng cáo lên

District Superior Court
 Tòa Án Khu Vực Tòa Án Thượng Thẩm.

The current pretrial release order is modified as follows:
 Lệnh tại ngoại chờ xét xử hiện tại được sửa đổi như sau:

Date (mm/dd/yyyy) Ngày (tháng/ngày/năm)	Signature Of District Court Judge or Magistrate Chữ ký của Thẩm Phán hay Quan Tòa của Tòa Án Khu Vực
--	---

**WAIVER OF PROBABLE CAUSE HEARING
TỪ BỎ QUYỀN CÓ PHIÊN TÒA ĐỂ XÁC ĐỊNH CƠ SỞ CHÍNH ĐÁNG**

The undersigned defendant, with the consent of his/her attorney, waives the right to a probable cause hearing.
 Bị cáo ký tên dưới đây, sau khi được luật sư đại diện cho mình đồng ý, đã từ bỏ quyền có phiên tòa để xác định cơ sở chính đáng.

Date Waived (mm/dd/yyyy) Ngày từ bỏ quyền (tháng/ngày/năm)	Signature Of Defendant Chữ ký của bị cáo
	Signature Of Attorney Chữ ký của luật sư

COMMITMENT: It is **ORDERED** that the Clerk deliver **two** certified copies of this Judgment and Commitment to the sheriff and that the sheriff cause the defendant to be retained in custody to serve the sentence imposed or until the defendant shall have complied with the conditions of release pending appeal.
LỆNH GIAM TÙ: Tòa Án **RA LỆNH** cho Lực Sự giao **hai** bản sao chứng thực sao y bản chính của Phán Quyết và Lệnh Giam Tù này cho cảnh sát trưởng quận/hạt, và ra lệnh cho cảnh sát trưởng quận/hạt thực hiện việc giam giữ bị cáo cho đến khi thụ hành xong bản án đã tuyên hoặc đến khi bị cáo đáp ứng các điều kiện để được tại ngoại trong thời gian chờ kháng cáo.

PROBABLE CAUSE: Probable cause is found as to all Counts except _____, and the defendant is bound over to Superior Court for action by the grand jury. No probable cause is found as to Count(s) _____ of this Magistrate's Order, and the Count(s) is dismissed.

CƠ SỞ CHÍNH ĐÁNG: Tòa Án xác nhận có cơ sở chính đáng đối với tất cả các tội trạng trừ phi _____, và rằng bị cáo cần được chuyển đến Tòa Án Thượng Thẩm để đại bồi thẩm đoàn xem xét và quyết định. Tòa Án không thấy có cơ sở chính đáng đối với (các) tội trạng _____ trong Lệnh Quan Tòa này, và (các) tội trạng đó được bác bỏ.

Date (mm/dd/yyyy) Ngày (tháng/ngày/năm)	Name Of District Court Judge/Magistrate (Type Or Print) Tên của Thẩm Phán hay Quan Tòa của Tòa Án Khu Vực (đánh máy hay viết chữ in)	Signature Of District Court Judge or Magistrate Chữ ký của Thẩm Phán hay Quan Tòa của Tòa Án Khu Vực
--	---	---

**CERTIFICATION
CHỨNG NHẬN**

I certify that this Judgment is a true and complete copy of the original which is on file in this case.
 Tôi xác nhận rằng Phán Quyết này là một bản sao chính xác và đầy đủ của bản gốc hiện được lưu ở hồ sơ vụ án.

Date (mm/dd/yyyy) Ngày (tháng/ngày/năm)	Date Delivered to Sheriff (mm/dd/yyyy) Ngày giao cho Cảnh Sát Trưởng Quận/Hạt (tháng/ngày/năm)	Signature Chữ ký	<input type="checkbox"/> Deputy CSC Phó LSTTT <input type="checkbox"/> Assistant CSC Phụ tá LSTTT <input type="checkbox"/> CSC LSTTT
--	---	---------------------	---